

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty Thành viên của Reanda International  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.  
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.  
Tel: +84 (28) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (28) 3999 00 90  
Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

***CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017***

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

**R REANDA**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
**(VIETVALUES)**

Công ty Thành viên của Reanda International

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	08 - 09
4. Báo cáo Kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	12 – 38

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét của Công ty.

### 1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 20/2004/QĐ-UB ngày 05 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800544868 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 01 tháng 8 năm 2011, thay đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 7 năm 2016.

Tên viết tắt : HAWASUCO

Mã chứng khoán : HGW (Upcom). Ngày 11 tháng 01 năm 2017 là ngày giao dịch đầu tiên.

Vốn điều lệ : 174.788.353.002 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại : +84 (02933) 876 357

Fax : +84 (02933) 876 357

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ và thương mại;
- Khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước;
- Thi công lắp đặt, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và dân dụng;
- Xây dựng, sửa chữa, quản lý và dịch vụ các công trình đô thị công cộng như: Vệ sinh phân rác, cây xanh công viên, cây cảnh;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Quảng cáo và cho thuê quảng cáo;
- Sửa chữa cơ khí, lắp ráp công cụ, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho ngành nước và dịch vụ đô thị;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Kinh doanh xăng dầu).

31281  
CÔNG  
CH NHIỆM  
TOÁN V  
HUẤN  
5 - TP. H

#### 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

##### 4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Dương Văn Thọ	Chủ tịch
Ông Bùi Trọng Lực	Thành viên
Ông Lê Hoàng Thẩm	Thành viên
Ông Quách Minh Hiền	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Lý	Thành viên

##### 4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Nguyễn Thanh Mai	Trưởng ban
Ông Trương Hữu Thành	Thành viên
Bà La Thụy Phiêng	Thành viên

##### 4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Bùi Trọng Lực	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Thẩm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Minh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Thị Hiếu	Kế toán trưởng

#### 5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này:

Ông Dương Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Trọng Lực	Tổng Giám đốc

## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 38.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Thông báo số 37/TB-CTN-CTĐT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty về việc tìm đối tác bán thỏa thuận phần vốn do Nhà nước sở hữu tại Công ty CP Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang, số lượng đăng ký bán là 7.900.434 cổ phiếu, giá khởi điểm là 13.950 đồng/cổ phiếu.

Theo Công văn 164/CTN-CTĐT ngày 20 tháng 7 năm 2017, Công ty đang trình Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang về việc tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn vốn được ngân sách cấp để thực hiện Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước từ thị xã Ngã Bảy đến xã Tân Phú Thạnh và khoản tiền tạm ứng ngân sách để mua xe chuyên dùng với số tiền 65.255.298.058 đồng.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

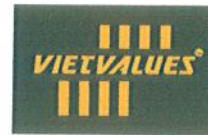
Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Doanh nghiệp sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.





Số: 2337/17/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC – CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét có dạng chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo soát xét này được phát hành ngày 08 tháng 8 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHN số: 1523-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

3031  
CỔ  
TÁCH I  
EM TC  
CHU  
5-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100.147.727.401</b>	<b>90.909.058.635</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>2.903.034.242</b>	<b>5.455.722.582</b>
111	1. Tiền		2.903.034.242	5.455.722.582
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>76.427.591.041</b>	<b>70.240.944.925</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	53.079.726.191	53.187.620.339
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	816.018.905	217.924.541
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	22.531.845.945	16.835.400.045
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>20.817.102.118</b>	<b>15.212.391.128</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.5	20.817.102.118	15.212.391.128
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>251.353.879.472</b>	<b>252.902.582.906</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>206.378.166.268</b>	<b>208.599.814.176</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	204.413.592.288	206.624.778.788
222	- Nguyên giá		290.338.092.888	285.612.155.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.924.500.600)	(78.987.376.807)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	1.964.573.980	1.975.035.388
228	- Nguyên giá		2.060.470.220	2.060.470.220
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(95.896.240)	(85.434.832)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>28.899.507.461</b>	<b>27.351.649.967</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	28.899.507.461	27.351.649.967
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.076.205.743</b>	<b>16.951.118.763</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	16.076.205.743	16.951.118.763
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>351.501.606.873</b>	<b>343.811.641.541</b>

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		72.406.366.310	70.936.762.264
310	I. Nợ ngắn hạn		72.406.366.310	70.936.762.264
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	12.456.843.610	14.831.583.058
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	346.064.000	96.101.966
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	2.120.876.636	2.317.298.178
314	4. Phải trả người lao động		3.652.550.000	9.288.130.000
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.13	5.914.376.014	1.124.965.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	11.459.854.765	11.032.021.111
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	36.110.585.634	30.338.875.660
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	345.215.651	1.907.787.199
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		279.095.240.563	272.874.879.277
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	279.095.240.563	272.874.879.277
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		174.788.353.002	174.788.353.002
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		174.788.353.002	174.788.353.002
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.492.932.721	8.492.932.721
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.892.728.286	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.892.728.286	-
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		90.921.226.554	89.593.593.554
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		351.501.606.873	343.811.641.541

Hậu Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



TRẦN HỒNG ĐĂNG

Kế toán trưởng



TÔ THỊ HIẾU

Tổng Giám đốc




BÙI TRỌNG LỰC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	81.397.569.452	68.558.410.670
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.397.569.452	68.558.410.670
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	63.068.663.712	51.266.647.830
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.328.905.740	17.291.762.840
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	34.350.195	10.235.421
22	7. Chi phí tài chính		902.078.372	1.025.395.303
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		902.078.372	1.025.395.303
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	10.670.559.647	11.245.625.103
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.790.617.916	5.030.977.855
31	11. Thu nhập khác	VI.5	75.292.442	1.149.209.316
32	12. Chi phí khác		-	506.780.521
40	13. Lợi nhuận khác		75.292.442	642.428.795
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.865.910.358	5.673.406.650
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	1.373.182.072	1.134.681.330
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.492.728.286	4.538.725.320
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	310	215
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	310	215

Người lập biểu



**TRẦN HỒNG ĐĂNG**


Kế toán trưởng



**TÔ THỊ HIẾU**

Hậu Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Tổng Giám đốc



**BÙI TRỌNG LỰC**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		90.523.723.171	84.288.234.253
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(53.711.413.186)	(35.577.532.465)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(26.273.113.841)	(25.808.485.889)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(902.078.372)	(1.025.395.303)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.365.621.553)	(1.198.649.191)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.204.587.705	29.315.538.931
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.423.566.426)	(40.758.783.433)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(6.947.482.502)</i>	<i>9.234.926.903</i>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.407.538.121)	(150.749.577)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.350.195	-
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.373.187.926)</i>	<i>(150.749.577)</i>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.15	37.150.283.823	29.328.484.479
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.15	(31.378.573.849)	(37.045.608.468)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.727.886)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>5.767.982.088</i>	<i>(7.717.123.989)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>(2.552.688.340)</i>	<i>1.367.053.337</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.455.722.582	840.423.139
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	2.903.034.242	2.207.476.476

Người lập biểu

TRẦN HỒNG ĐĂNG

Kế toán trưởng

TÔ THỊ HIẾU

Hậu Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2017.



BÙI TRỌNG LỰC

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh nước, dịch vụ, xây lắp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ và thương mại;
- Khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước;
- Thi công lắp đặt, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và dân dụng;
- Xây dựng, sửa chữa, quản lý và dịch vụ các công trình đô thị công cộng như: Vệ sinh phân rác, cây xanh công viên, cây cảnh;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Quảng cáo và cho thuê quảng cáo;
- Sửa chữa cơ khí, lắp ráp công cụ, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho ngành nước và dịch vụ đô thị;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Kinh doanh xăng dầu).

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tình hình lao động**

Số lượng công nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 589 người (số đầu năm là 591 người).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## 2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu ngắn hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm lập báo cáo.

Các khoản phải thu dài hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế trên 12 tháng hoặc vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường được trình bày là chi phí sản xuất, kinh doanh dài hạn và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty phân bổ với thời gian 10 năm.

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **Chi phí sửa chữa**

Là chi phí sửa chữa xe, nhà kho,... Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

### **Chi phí trả trước khác**

Chủ yếu là chi phí thăm dò nước ngầm, di dời các tuyến ống nước,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 08 năm      |
| - Phương tiện vận tải    | 06 năm      |
| - Tài sản khác           | 05 - 10 năm |

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (45-50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

3175  
GTY  
EM HƯ  
V VÀ T  
IN V  
P. HC



## 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Nợ phải trả ngắn hạn là khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải trả dài hạn là khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả là vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 10. Cơ sở trích quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương Công ty căn cứ theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về xây dựng công trình.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

CHỖ  
CHỮ  
KÝ  
HỌ  
TÊN  
VỊ  
TRÍ

## 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ thuê bao đô thị, nước, lắp đặt, xe buýt,...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Doanh thu xây dựng:

- Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản nghiệm hoàn thành đối với các hạng mục nghiệm thu theo từng lần hoặc quyết toán công trình đưa vào sử dụng.
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.
- Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:
  - + Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
  - + Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể.
  - + Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.



#### 14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp là chi phí khấu hao của quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng và chi phí liên quan.

#### 15. Nguyên tắc kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Chi phí tài chính ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 19. Số liệu so sánh

Trình bày lại số kỳ trước của doanh thu được trợ giá trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho phù hợp với quy định.

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	67.909.868.670	648.542.000	68.558.410.670
Thu nhập khác	31	1.797.751.316	(648.542.000)	1.149.209.316

## V. THỐNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	6.762.431	46.941.878
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.896.271.811	5.408.780.704
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.903.034.242</u></b>	<b><u>5.455.722.582</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>53.079.726.191</b>	<b>53.187.620.339</b>
- Hoạt động thuê bao đô thị	32.507.172.836	35.611.699.375
+ Phòng quản lý đô thị thành phố Vị Thanh	10.527.845.224	13.517.272.601
+ Phòng quản lý đô thị thị xã Ngã Bảy	15.469.125.252	14.849.704.774
+ Các khách hàng khác	6.510.202.360	7.244.722.000
- Hoạt động xây lắp	18.314.722.783	16.591.279.783
+ Phòng quản lý đô thị thành phố Vị Thanh	12.646.052.000	9.697.178.000
+ Các khách hàng khác	5.668.670.783	6.894.101.783
- Hoạt động cung cấp nước	1.615.492.635	740.639.304
- Hoạt động lắp đặt	46.584.000	46.584.000
- Hoạt động xử lý nước thải	40.127.169	21.853.200
- Hoạt động khác	555.626.768	175.564.677
<b>Cộng</b>	<b><u>53.079.726.191</u></b>	<b><u>53.187.620.339</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho các khách hàng khác</b>	<b>816.018.905</b>	<b>217.924.541</b>
- Đoàn Tài nguyên nước Sông Hậu	500.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Tín	80.000.000	-
- Các khách hàng khác	236.018.905	217.924.541
<b>Cộng</b>	<b>816.018.905</b>	<b>217.924.541</b>

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.891.290.700</b>	<b>3.256.290.700</b>
- Tạm ứng	2.891.290.700	3.256.290.700
+ Bùi Trọng Lực (tạm ứng công tác)	99.000.000	99.000.000
+ Quách Minh Hiến (tạm ứng công tác và thực hiện công trình)	2.792.290.700	3.157.290.700
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>19.640.555.245</b>	<b>13.579.109.345</b>
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thành Công (*)	2.300.000.000	2.300.000.000
- Công ty TNHH Sáu Phát (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Miền Nam (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
- Phải thu cổ phần hóa	270.874.048	270.874.048
- Tạm ứng	12.721.487.465	6.798.448.965
+ Trần Thúy Mai	4.127.958.500	1.743.458.500
+ Lê Thị Mỹ Chân	1.842.508.000	970.000.000
+ Lưu Thị Phương Thảo	1.181.600.000	541.600.000
+ Trần Ngọc Thúy An	780.000.000	750.000.000
+ Các nhân viên khác	4.789.420.965	2.793.390.465
- Các khoản phải thu khác	348.193.732	209.786.332
<b>Cộng</b>	<b>22.531.845.945</b>	<b>16.835.400.045</b>

(\*) Là khoản mượn tiền để thực hiện di dời 02 đường ống cung cấp nước sinh hoạt liên quan đến dự án BOT Quốc lộ 1 Cần Thơ – Phụng Hiệp. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận hỗ trợ kinh phí di dời này theo văn bản số 569/UBND-KH ngày 11 tháng 4 năm 2017.

## 5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.349.956.048	-	14.332.159.128	-
Công cụ, dụng cụ	467.146.070	-	410.232.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	470.000.000	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.817.102.118</b>	<b>-</b>	<b>15.212.391.128</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

- Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Công ty không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.

*Nguyên liệu, vật liệu:*

Chủ yếu là các nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động cung cấp nước như: Ống uPVC các loại, thủy lượng kế,...

*Công cụ, dụng cụ*

Chủ yếu là các công cụ dụng cụ trong hoạt động cung cấp nước chưa xuất kho sử dụng như: máy bơm ly tâm, máy châm clo,...

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang  
 Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

## 6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	60.891.297.567	15.597.981.287	191.014.537.966	18.108.338.775	285.612.155.595
Tăng trong kỳ	415.581.530	511.109.624	3.612.456.972	186.789.167	4.725.937.293
- Mua sắm	59.728.182	511.109.624	1.697.532.455	-	2.268.370.261
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	355.853.348	-	1.914.924.517	186.789.167	2.457.567.032
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>61.306.879.097</b>	<b>16.109.090.911</b>	<b>194.626.994.938</b>	<b>18.295.127.942</b>	<b>290.338.092.888</b>
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	669.464.400	2.308.860.909	12.311.241.934	908.392.150	16.197.959.393
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	16.948.814.839	7.650.583.465	51.634.700.928	2.753.277.575	78.987.376.807
Tăng trong kỳ	1.237.962.857	516.190.346	4.778.265.520	404.705.070	6.937.123.793
- Khấu hao trong kỳ	1.237.962.857	516.190.346	4.778.265.520	404.705.070	6.937.123.793
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.186.777.696</b>	<b>8.166.773.811</b>	<b>56.412.966.448</b>	<b>3.157.982.645</b>	<b>85.924.500.600</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	43.942.482.728	7.947.397.822	139.379.837.038	15.355.061.200	206.624.778.788
Tại ngày cuối kỳ	43.120.101.401	7.942.317.100	138.214.028.490	15.137.145.297	204.413.592.288

Trong đó: - Không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.





**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	2.060.470.220	2.060.470.220
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.060.470.220</b>	<b>2.060.470.220</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	85.434.832	85.434.832
Tăng trong kỳ	10.461.408	10.461.408
- Khấu hao trong kỳ	10.461.408	10.461.408
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>95.896.240</b>	<b>95.896.240</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.975.035.388</i>	<i>1.975.035.388</i>
<i>Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>1.964.573.980</i>	<i>1.964.573.980</i>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
- Không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm	554.545.455	1.142.987.000	1.697.532.455	-	-
Xây dựng cơ bản	26.797.104.512	4.631.943.426	2.457.567.032	71.973.445	28.899.507.461
+ Mạng lưới cấp nước	12.020.485.202	3.517.239.628	1.914.924.517	39.946.253	13.582.854.060
+ Công trình khác	14.776.619.310	1.114.703.798	542.642.515	32.027.192	15.316.653.401
<b>Cộng</b>	<b>27.351.649.967</b>	<b>5.774.930.426</b>	<b>4.155.099.487</b>	<b>71.973.445</b>	<b>28.899.507.461</b>

**9. Chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lợi thế kinh doanh	11.340.486.438	12.371.439.744
- Công cụ dụng cụ	2.062.785.556	2.033.115.904
- Chi phí sửa chữa	2.343.010.098	2.155.483.908
- Chi phí trả trước khác	329.923.651	391.079.247
<b>Cộng</b>	<b>16.076.205.743</b>	<b>16.951.118.763</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	16.951.118.763	19.066.552.841
Phát sinh trong kỳ	1.695.917.900	843.990.137
Phân bổ trong kỳ	(2.570.830.920)	(2.931.897.186)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.076.205.743</b>	<b>16.978.645.792</b>

**10. Phải trả người bán**

**10a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán khác</i>	<i>12.456.843.610</i>	<i>14.831.583.058</i>
- Công ty CP Nhựa Tân Tiến	1.870.625.900	3.729.550.000
- Công ty CP Hội ngộ Phương Nam	1.559.690.000	1.889.014.600
- Các người bán khác	9.026.527.710	9.213.018.458
<b>Cộng</b>	<b>12.456.843.610</b>	<b>14.831.583.058</b>

**10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	<i>346.064.000</i>	<i>96.101.966</i>
- Hoạt động lắp đặt	27.238.000	27.238.000
- Hoạt động xây lắp	318.826.000	68.863.966
+ Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Mỹ	318.826.000	-
+ Các đối tượng khác	-	68.863.966
<b>Cộng</b>	<b>346.064.000</b>	<b>96.101.966</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

## 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế Giá trị gia tăng	1.367.832.137	1.383.913.265	(1.599.358.666)	1.152.386.736
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	815.321.553	1.373.182.072	(1.365.621.553)	822.882.072
Thuế Thu nhập cá nhân	4.023.568	327.736.129	(326.436.129)	5.323.568
Các loại thuế khác	130.120.920	1.049.939.238	(1.039.775.898)	140.284.260
<b>Cộng</b>	<b><u>2.317.298.178</u></b>	<b><u>4.134.770.704</u></b>	<b><u>(4.331.192.246)</u></b>	<b><u>2.120.876.636</u></b>

### Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

## 13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện khác</i>	<b>5.914.376.014</b>	<b>1.124.965.092</b>
- Công trình trang trí đèn các tuyến đường nội ô thành phố Vị Thanh	890.904.545	-
- Công trình trang trí đèn các tuyến đường thị xã Ngã Bảy	831.325.455	-
- Công trình sửa chữa đèn hoa các tuyến đường nội ô thành phố Vị Thanh	786.485.455	-
- Duy tu, sửa chữa hệ thống đèn chiếu sáng công cộng và đèn trang trí các tuyến đường thành phố Vị Thanh	657.159.091	-
- Các công trình khác	2.748.501.468	1.124.965.092
<b>Cộng</b>	<b><u>5.914.376.014</u></b>	<b><u>1.124.965.092</u></b>

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn các đối tượng khác</i>	11.459.854.765	11.032.021.111
- Ngân sách tỉnh Hậu Giang	3.000.000.000	4.000.000.000
- Cổ tức phải trả	3.384.514.485	3.388.242.371
- Tiền hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước	3.473.720.490	3.473.720.490
- Các khoản phải trả khác	1.601.619.790	170.058.250
<b>Cộng</b>	<b>11.459.854.765</b>	<b>11.032.021.111</b>

Công ty không phát sinh phải trả khác quá hạn.

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang <sup>(1)</sup>	20.279.300.229	20.279.300.229	17.237.604.835	17.237.604.835
Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Hậu Giang <sup>(2)</sup>	15.831.285.405	15.831.285.405	13.101.270.825	13.101.270.825
<b>Cộng</b>	<b>36.110.585.634</b>	<b>36.110.585.634</b>	<b>30.338.875.660</b>	<b>30.338.875.660</b>

<sup>(1)</sup> Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
7000-LAV-201701310/HĐTD	12 tháng	Theo từng lần nhận nợ	20.279.300.229	Vay không có đảm bảo được Ngân hàng lựa chọn

<sup>(2)</sup> Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
69/2017/HĐCVH M/NHCT821-HAWASUCO	12 tháng	Theo từng lần nhận nợ	20.279.300.229	Vay tín chấp

1281  
 CÔNG  
 NHẬN  
 TOÁN  
 HUẤN  
 - TP.

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	680.540.556	-	-	(593.180.000)	87.360.556
Quỹ phúc lợi	1.096.277.155	600.000.000	52.000.000	(1.577.091.548)	171.185.607
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	130.969.488	-	-	(44.300.000)	86.669.488
<b>Cộng</b>	<b><u>1.907.787.199</u></b>	<b><u>600.000.000</u></b>	<b><u>52.000.000</u></b>	<b><u>(2.214.571.548)</u></b>	<b><u>345.215.651</u></b>

75-  
 TY  
 HỮU  
 TÀ TỬ  
 VIỆ  
 HỒ C

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang  
 Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**17. Vốn chủ sở hữu**

**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	174.788.353.002	5.873.542.963	-	81.795.192.058	262.457.088.023
Tăng trong năm trước	-	2.619.389.758	8.832.514.202	7.798.401.496	19.250.305.456
Giảm trong năm trước	-	-	(8.832.514.202)	-	(8.832.514.202)
<b>Số dư cuối năm trước đầu năm nay</b>	<b>174.788.353.002</b>	<b>8.492.932.721</b>	<b>-</b>	<b>89.593.593.554</b>	<b>272.874.879.277</b>
Tăng trong kỳ	-	-	5.492.728.286	1.327.633.000	6.820.361.286
Giảm trong kỳ	-	-	(600.000.000)	-	(600.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>174.788.353.002</b>	<b>8.492.932.721</b>	<b>4.892.728.286</b>	<b>90.921.226.554</b>	<b>279.095.240.563</b>

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (*)	96,20%	168.144.353.002	168.144.353.002
Cổ đông khác	3,80%	6.644.000.000	6.644.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>174.788.353.002</b>	<b>174.788.353.002</b>

(\*) Cổ đông nhà nước là Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp</u>
- Cổ đông Nhà nước	168.144.353.002	168.144.353.002	-
- Cổ đông khác	6.644.000.000	6.644.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>174.788.353.002</b>	<b>174.788.353.002</b>	<b>-</b>

**17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	174.788.353.002	174.788.353.002
+ Vốn góp đầu năm	174.788.353.002	174.788.353.002
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	174.788.353.002	174.788.353.002
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.361.550.189	2.533.856.896

**17d. Cổ tức**

<u>Chi tiết</u>	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**17e. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.478.835	17.478.835
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.743.865	17.743.865
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.743.865	17.743.865
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.743.865	17.743.865
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.743.865	17.743.865
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**17f. Các quỹ của doanh nghiệp**

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ Đầu tư Phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**17g. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo kế hoạch của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-CTN-CTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2017 như sau:

Quỹ phúc lợi	<u>600.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>600.000.000</b></u>

**17h. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước từ thị xã Ngã Bảy đến xã Tân Phú Thạnh (*)	62.255.298.058	62.255.298.058
- Công trình hệ thống xử lý nước thải	14.003.187.180	14.003.187.180
- Công trình nhà máy nước Sông Hậu	4.823.659.000	4.823.659.000
- Các công trình khác	9.839.082.316	8.511.449.316
	<u><b>90.921.226.554</b></u>	<u><b>89.593.593.554</b></u>

(\*) Là khoản phải trả cho Ngân sách tỉnh Hậu Giang cấp để thực hiện Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước từ thị xã Ngã Bảy đến xã Tân Phú Thạnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt quyết toán theo Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016. Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục tăng vốn chủ sở hữu.



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (VNĐ)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Hoạt động cung cấp nước	34.634.342.030	30.792.002.116
- Hoạt động lắp đặt	869.267.254	384.600.119
- Hoạt động thuê bao đô thị	31.859.825.422	26.867.851.073
- Hoạt động xe buýt	8.650.718.456	9.197.889.997
- Hoạt động xây lắp	4.510.735.510	895.230.908
- Hoạt động khác	872.680.780	420.836.457
<b>Cộng</b>	<b><u>81.397.569.452</u></b>	<b><u>68.558.410.670</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Hoạt động cung cấp nước	24.359.303.783	17.310.639.050
- Hoạt động lắp đặt	1.599.842.690	958.417.202
- Hoạt động thuê bao đô thị	23.999.704.948	22.711.631.076
- Hoạt động xe buýt	8.800.734.707	9.457.233.405
- Hoạt động xây lắp	4.006.180.069	828.727.097
- Hoạt động khác	302.897.515	-
<b>Cộng</b>	<b><u>63.068.663.712</u></b>	<b><u>51.266.647.830</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.501.173.984	8.870.810.781
- Chi phí vật liệu quản lý	237.438.509	174.416.966
- Chi phí đồ dùng văn phòng	183.970.052	125.626.577
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.378.925	247.006.674
- Thuế, phí và lệ phí	138.942.418	62.107.161
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.349.604	105.859.665
- Các chi phí khác	2.107.306.155	1.659.797.279
<b>Cộng</b>	<b><u>10.670.559.647</u></b>	<b><u>11.245.625.103</u></b>

**5. Thu nhập khác**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Phạt vi phạm hợp đồng	38.478.000	76.205.700
- Thu nhập khác	36.814.442	1.073.003.616
<b>Cộng</b>	<b><u>75.292.442</u></b>	<b><u>1.149.209.316</u></b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.865.910.358</b>	<b>5.673.406.650</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	6.865.910.358	5.673.406.65
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20 %	20 %
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.373.182.072</u></b>	<b><u>1.134.681.330</u></b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>06 tháng đầu năm 2017</b>	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty	5.492.728.286	4.538.725.320
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	(1.730.209.410)	(789.143.472)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.762.518.876	3.749.581.848
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	17.478.835	17.478.835
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>215</b>	<b>215</b>

<sup>(\*)</sup> Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cần trích từ lợi nhuận sau thuế của 06 tháng đầu năm 2017 theo tỷ lệ (31,5%) của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-CTN-CTĐT ngày 28 tháng 4 năm 2017. Quỹ khen thưởng, phúc lợi này sẽ được điều chỉnh lại theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<b>06 tháng đầu năm 2017</b>	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	17.478.835	17.478.835
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)</b>	<b>17.478.835</b>	<b>17.478.835</b>

**8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>06 tháng đầu năm 2017</b>	<b>06 tháng đầu năm 2016</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.762.518.876	3.749.581.848
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.762.518.876	3.749.581.848
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.478.835	17.478.835
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>215</b>	<b>215</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	17.478.835	17.478.835
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)</b>	<b><u>17.478.835</u></b>	<b><u>17.478.835</u></b>

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.406.244.990	10.773.426.711
- Chi phí nhân công	28.553.103.009	29.714.244.197
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.947.585.201	6.323.156.092
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.033.967.809	7.831.369.090
- Chi phí khác	3.003.101.502	8.541.390.479
<b>Cộng</b>	<b><u>78.944.002.511</u></b>	<b><u>63.183.586.569</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (VNĐ)**

**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**3. Tiền thu từ đi vay**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.150.283.823	29.328.484.479
<b>Cộng</b>	<b><u>37.150.283.823</u></b>	<b><u>29.328.484.479</u></b>

**4. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	31.378.573.849	37.045.608.468
<b>Cộng</b>	<b><u>31.378.573.849</u></b>	<b><u>37.045.608.468</u></b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan:

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (\*):

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Thù lao, lương và thưởng	689.059.091	412.817.728
- Cổ tức nhận được	5.376.000	-
<b>Cộng</b>	<b>694.435.091</b>	<b>412.817.728</b>

(\*): Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan:

Tên khách hàng	Giao dịch	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bùi Trọng Lực	Tạm ứng	99.000.000	99.000.000
Quách Minh Hiền	Tạm ứng	2.792.290.700	3.157.290.700

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan:

Tên khách hàng	Giao dịch	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Bùi Trọng Lực	Tạm ứng	-	30.000.000
	Hoàn ứng	-	30.000.000
Quách Minh Hiền	Tạm ứng	-	-
	Hoàn ứng	365.000.000	90.000.000

*Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang*  
 Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**2. Báo cáo theo bộ phận**

**2a. Theo lĩnh vực kinh doanh**

	<u>Hoạt động cung cấp nước</u>	<u>Hoạt động lắp đặt</u>	<u>Hoạt động thuê bao đô thị</u>	<u>Hoạt động xe buýt</u>	<u>Hoạt động xây lắp</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>6 tháng đầu năm 2017</b>							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	34.634.342.030	869.267.254	31.859.825.422	8.650.718.456	4.510.735.510	872.680.780	81.397.569.452
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	24.359.303.783	1.599.842.690	23.999.704.948	8.800.734.707	4.006.180.069	302.897.515	63.068.663.712
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.275.038.247</b>	<b>(730.575.436)</b>	<b>7.860.120.474</b>	<b>(150.016.251)</b>	<b>504.555.441</b>	<b>569.783.265</b>	<b>18.328.905.740</b>
<b>6 tháng đầu năm 2016</b>							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.792.002.116	384.600.119	26.867.851.073	9.197.889.997	895.230.908	420.836.457	68.558.410.670
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	17.310.639.050	958.417.202	22.711.631.076	9.457.233.405	828.727.097	-	51.266.647.830
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.481.363.066</b>	<b>(573.817.083)</b>	<b>4.156.219.997</b>	<b>(259.343.408)</b>	<b>66.503.811</b>	<b>420.836.457</b>	<b>17.291.762.840</b>

**2b. Theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản nào dùng để đảm bảo.

**4. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng.

**5. Khả năng hoạt động liên tục**

Không có những yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Thông báo số 37/TB-CTN-CTĐT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty về việc tìm đối tác bán thỏa thuận phần vốn do Nhà nước sở hữu tại Công ty CP Cấp thoát nước – Công trình Đô thị Hậu Giang, số lượng đăng ký bán là 7.900.434 cổ phiếu, giá khởi điểm là 13.950 đồng/cổ phiếu.

Theo Công văn 164/CTN-CTĐT ngày 20 tháng 7 năm 2017, Công ty đang trình Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang về việc tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn vốn được ngân sách cấp để thực hiện công trình mở rộng mạng lưới cấp nước từ thị xã Ngã Bảy đến xã Tân Phú Thạnh và khoản tiền tạm ứng ngân sách để mua xe chuyên dùng với số tiền 65.255.298.058 đồng.

Hậu Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



**TRẦN HỒNG ĐĂNG**

Kế toán trưởng



**TÔ THỊ HIẾU**

Tổng Giám đốc



**BÙI TRỌNG LỰC**